

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HS-ST

Ngày: 29/3/2022.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nghiêm Thị Lượng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Thu.

Ông Trần Minh Phương.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Toán Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

**Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1990; ĐKKHKT: Khu 5, phường Tiền An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Nhân viên kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1991 và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; tạm giam từ ngày 15/10/2021 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

\* ***Bị hại:*** Công ty A; địa chỉ: Lô A3 khu liên kề, khu Công nghiệp Quế Võ, xã P, huyện Q, tỉnh B do anh Trần Anh S – Chức vụ Giám đốc là đại diện theo pháp luật;

Người được ủy quyền: Bà Chu Thị Bình D – Kế toán trưởng Công ty A; có mặt.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1991; Trú tại: Xóm trại, khu 1, phường T, thành phố B, tỉnh B (là vợ bị cáo T); có mặt.

\* *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Đình L, sinh năm 1989; Trú tại: 257 Viên Hội, Vân Nội, Đông Anh, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Toàn Th, sinh năm 1978; Trú tại: Thôn Văn Trung, xã Tân Tri, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1977; Trú tại: Khu Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1977; Trú tại: Khu Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

5. Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1982; Trú tại: Cụm công nghiệp P 1, phường P, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1959; Trú tại: Số 15 ngõ 52, đường Kinh Bắc 7, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1980; Trú tại: Khu 2, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1949; Trú tại: Số 1 Thành Bắc, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung được tóm tắt như sau:*

Từ năm 2010 đến năm 2021, Nguyễn Quốc T làm nhân viên kinh doanh (có hợp đồng lao động không thời hạn) tại Công ty A (viết tắt là Công ty A) do ông Trần Anh S làm Giám đốc. Công ty A chuyên sản xuất, kinh doanh bê tông và sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao. Nhiệm vụ của T và các nhân viên kinh doanh được quy định trong hợp đồng lao động và quy định về quy chế làm việc tại Phòng kinh doanh số 01/QĐSB ngày 02/05/2008 của Giám đốc công ty, trong đó quy định *nhân viên kinh doanh chủ động tìm kiếm và lên kế hoạch tiếp cận khách hàng, tư vấn và báo giá sản phẩm phù hợp nhu cầu của khách hàng. Sau khi thỏa thuận với khách hàng thì phối hợp với bộ phận kỹ thuật để cung cấp bê tông cho khách. Đối với khách hàng là cá nhân trong vòng 3 ngày thu tiền hàng và nộp về công ty kể từ ngày cung cấp xong bê tông cho từng hạng mục. Đối với khách hàng là tổ chức trong vòng*

03 ngày kể từ ngày kể từ ngày khách hàng thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho nhân viên kinh doanh phải nộp về công ty. Ngoài ra, hàng năm Công ty A còn quy định giá bê tông thương phẩm bán tại khu vực Bắc Ninh, nhưng tùy từng hạng mục cụ thể thì nhân viên kinh doanh được thỏa thuận với khách hàng về loại bê tông, số lượng bê tông, nơi đổ bê tông và giá bán bê tông.

Trong quá trình làm việc, T biết rõ các quy định của công ty và trách nhiệm của mình, nhưng T đã lợi dụng nhiệm vụ của mình trong việc thu tiền mua hàng của 05 khách hàng nhưng không nộp về Công ty theo quy định, khi kế toán công ty hỏi thì T nói dối là chưa thu được tiền của khách hàng. Sau đó, T đã chiếm đoạt tổng số tiền của công ty là 331.752.500 đồng để sử dụng chi tiêu cá nhân, cụ thể như sau:

**Lần thứ nhất:** Ngày 02/01/2018, thông qua Nguyễn Quốc T, Công ty A ký hợp đồng kinh tế với Công ty TNHH B về việc mua bán bê tông thương phẩm. Sau đó, Công ty A đã bán cho Công ty B 109 m<sup>3</sup> bê tông thương phẩm theo hóa đơn GTGT số 0000491 ngày 01/3/2019 với số tiền 96.845.000 đồng. Ngày 22/01/2020, Công ty B đã chuyển số tiền 25.000.000 đồng vào tài khoản số 0351000683046 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam của Nguyễn Quốc T. Đến ngày 30/7/2020, Công ty B tiếp tục chuyển số tiền 35.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Công ty A, còn nợ lại số tiền 36.845.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 30/01/2020, T chỉ nộp vào công ty số tiền 20.000.000 đồng, còn số tiền **5.000.000** đồng, T không nộp về Công ty A mà chiếm đoạt để tiêu sài cá nhân hết.

**Lần thứ hai:** Tháng 05/2020, Nguyễn Quốc T đã thỏa thuận bán bê tông của Công ty A cho vợ chồng anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị L1 ở khu Đ, phường P, thành phố B với giá bê tông loại M300 là 830.000 đồng/m<sup>3</sup>, loại M250 là 780.000 đồng/m<sup>3</sup>, tiền công bơm bê tông từ 45.000 đồng đến 50.000 đồng/m<sup>3</sup>. Sau đó, từ ngày 01/5/2020 đến ngày 01/02/2021, Công ty A đã xuất bán và bơm bê tông cho anh H tổng cộng 512.5m<sup>3</sup> bê tông loại M300 và 284.5m<sup>3</sup> bê tông loại M250. Tổng số tiền T phải thu của anh H để nộp về Công ty là 654.452.500 đồng. Tuy nhiên, giữa Công ty A và T thống nhất với nhau về số tiền T thu của anh H phải nộp về Công ty là 618.117.500 đồng.

Từ ngày 18/5/2020 đến ngày 02/02/2021, vợ chồng anh H – L1 đã trả T tổng số tiền là 656.180.000 đồng, cụ thể: Ngày 18/5/2020 trả 43.640.000đ; ngày 26/6/2020 trả 43.540.000đ; ngày 20/7/2020 trả 30.000.000đ (chuyển khoản vào tài khoản số 0351000683046 của T tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam); ngày 17/8/2020 trả 20.000.000đ; ngày 11/9/2020 trả

26.500.000đ; ngày 24/9/2020 trả 30.000.000đ; ngày 7/10/2020 trả 62.500.000đ; ngày 20/10/2020 trả 50.000.000đ; ngày 27/10/2020 trả 50.000.000đ; ngày 4/11/2020 trả 50.000.000đ; ngày 20/11/2020 trả 50.000.000đ; ngày 5/12/2020 trả 50.000.000đ; ngày 25/12/2020 trả 50.000.000đ; ngày 4/01/2021 trả 50.000.000đ; ngày 02/02/2021 trả 50.000.000đ. Tuy nhiên, T chỉ nộp về công ty A số tiền 518.100.000 đồng, còn số tiền **100.017.500 đồng** T không nộp về Công ty A mà chiếm đoạt để tiêu sài cá nhân hết.

**Lần thứ B:** Khoảng tháng 6/2020, Nguyễn Quốc T đã thoả thuận bán bê tông của Công ty A cho vợ chồng anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Th ở khu Đ, phường P để xây dựng xưởng sản xuất giấy tại Cụm công nghiệp P 2 mở rộng với giá bê tông loại M300 là 830.000 đồng/m<sup>3</sup>, loại M250 là 780.000 đồng/m<sup>3</sup>, tiền bơm bê tông từ 2.000.000 đồng đến 2.600.000 đồng/ca.

Sau đó, từ ngày 17/6/2020 đến ngày 31/8/2020, Công ty A đã nhiều lần xuất bán bê tông cùng bơm bê tông cho gia đình anh B tổng cộng là 228.512m<sup>3</sup> bê tông loại M300 và 284.5m<sup>3</sup> bê tông loại M250. Tổng số tiền T phải thu của anh B theo bảng giá bê tông của Công ty A để nộp về Công ty là 189.495.000 đồng. Tuy nhiên, gia đình anh B đã trả cho T tổng cộng là 230.255.000 đồng (theo giá bán của T) nhưng đến ngày 16/11/2020 T mới chỉ nộp về Công ty A số tiền 35.160.000đ, số tiền còn lại là **154.335.000 đồng**, T đã chiếm đoạt để tiêu sài cá nhân hết.

**Lần thứ tư:** Tháng 11/2020, Nguyễn Quốc T đã thoả thuận bán bê tông của Công ty A cho anh Phạm Văn H1 trú tại cụm công nghiệp P 1 để đổ vào đáy bể thủy lực của Công ty TNHH PNV. Sau đó, từ ngày 19/11/2020 đến ngày 03/01/2021, Công ty A đã xuất bán tổng cộng 28m<sup>3</sup> bê tông loại M300 cho anh H1, cụ thể ngày 19/11/2020 là 8m<sup>3</sup>, ngày 02/12/2020 là 8m<sup>3</sup> ngày 03/01/2021 là 12m<sup>3</sup>. Tổng số tiền T phải thu của anh H1 để nộp về Công ty A là **22.400.000 đồng**. Tuy nhiên, anh H1 đã trả cho T toàn bộ số tiền mua bê tông nhưng T không nộp về Công ty A mà chiếm đoạt để tiêu sài cá nhân hết, trong đó 20/11/2020 chị Lê Thị C (kế toán Công ty PNV) đã chuyển khoản số tiền 6.560.000đ vào tài khoản số 0351000683046 của Nguyễn Quốc T tại Ngân hàng VietcomBnk và anh H1 đã trực tiếp trả tiền mặt cho T khoảng hơn 16.000.000 đồng.

Ngoài ra, Công ty A cho rằng T đã nhận tiền mua bê tông từ anh H1 sau đó không nộp về Công ty số tiền là 85.640.000 đồng và đã cung cấp các tài liệu thể hiện việc xuất bán bê tông thương phẩm cho anh H1 là 10 Phiếu giao nhận vữa bê tông. Tuy nhiên, anh H1 khẳng định chỉ mua và nhận bê tông

theo 03 phiếu số 078521, 078866, 079598, tổng cộng là 28m<sup>3</sup> bê tông. Còn 7 phiếu có chữ ký dưới mục khách hàng ghi tên “Phạm Văn H” là không phải của anh mua. Cơ quan điều tra đã phối hợp với Công an phường P nhưng không xác định được “Phạm Văn H” là ai. Vì vậy, chỉ xác định trách nhiệm của T phải nộp về công ty A số tiền 22.400.000 đồng như trên.

**Lần thứ năm:** Ngày 10/4/2019, Công ty A ký Hợp đồng kinh tế mua bán bê tông thương phẩm số 1004 với Công ty Cổ phần C (Viết tắt là công ty C). Nguyễn Quốc T được giao nhiệm vụ giữ liên hệ với bộ phận kỹ thuật của Công ty C để chủ động cung cấp bê tông khi có yêu cầu, nhận tiền tạm ứng từ Công ty C nộp về Công ty A theo quy định. Sau đó, T đã nhiều lần nhận tiền tạm ứng của công ty C và nộp về công ty theo quy định. Tuy nhiên, ngày 4/11/2020 T đã nhận của Công ty C số tiền **50.000.000** đồng nhưng T không nộp về Công ty A mà chiếm đoạt để tiêu sài cá nhân hết.

Ngoài các khách hàng nêu trên, Công ty A còn tố cáo T chiếm đoạt tiền của Công ty khi thu tiền của 10 khách hàng khác nhưng không nộp về Công ty, trong đó có 05 khách hàng cá nhân có tên “Khánh Hòa Đình”, “Doanh Xóm 5”, “Thành Đại Phúc”, “Cường YNa”, “Thành YNa”, Cơ quan điều tra đã phối hợp với Công an các phường trên địa bàn thành phố Bắc Ninh nhưng không xác định được con người cụ thể. Bản thân T không nhớ địa chỉ đã đổ bê tông cho họ. Còn 05 khách hàng gồm bà Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Thanh H3, Công ty TNHH L do ông Nguyễn Văn L là Giám đốc; Công ty cổ phần C – K; Công ty VLXD C1 (Long Cổng Ô). Một số khách hàng này khẳng định không mua bê tông hoặc có mua bê tông nhưng đã trả tiền vào tài khoản của Công ty A, không đưa tiền cho cá nhân nào khác.

Đến nay, Công ty A cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc Công ty A bán hàng và tài liệu chứng minh T thu tiền bán bê tông thương phẩm, nộp tiền về công ty liên quan đến những người này. Do vậy, chưa có căn cứ chứng minh T chiếm đoạt tiền của Công ty đối với 10 khách hàng nêu trên và số tiền 85.640.000 đồng của anh Phạm Văn H1. Đồng thời, Công ty A chỉ đề nghị xem xét trách nhiệm về hành vi chiếm đoạt số tiền 331.752.500 đồng thu của 05 khách hàng nêu trên, đối với số tiền của khách hàng còn lại theo như “Biên bản xác nhận công nợ đã thu hồi chưa nộp về Công ty” giữa T và Công ty A thì Công ty rút đơn đề nghị xem xét trách nhiệm đối với T và không có yêu cầu gì khác.

Quá trình điều tra, T đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh cho Cơ quan điều tra. Qua kiểm tra chiếc điện thoại, Cơ quan điều tra không phát hiện tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ

án. Ngày 22/12/2021, T đã tác động đến gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục trả cho Công ty A số tiền 331.752.500 đồng. Đến nay, Công ty Cổ phần A do anh Trần Anh S là đại diện theo pháp luật đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu T phải bồi thường gì khác, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T.

Tại Cáo trạng số: 09/CT-VKSBN-P1 ngày 22/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Gia đình bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho bị hại nên đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt thấp nhất.

Đại diện Công ty A trình bày: Bị cáo T chiếm đoạt của Công ty hơn 331.000.000đ như Cáo trạng truy tố là đúng. Gia đình bị cáo đã bồi thường đầy đủ, vì vậy Công ty không có yêu cầu gì thêm và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đã đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “Tham ô tài sản”. Áp dụng điểm c, d khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc T từ 07 đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/10/2021. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến quản lý tài chính từ 01 đến 02 năm. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết. Về vật chứng: Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động Redmi nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Bị cáo T và bị hại không tham gia tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không bị khiếu nại gì, vì vậy là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; lời khai của bị hại, người làm chứng và các

tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2021, Nguyễn Quốc T là nhân viên kinh doanh thuộc Phòng kinh doanh của Công ty A được giao nhiệm vụ là tìm kiếm khách hàng, thỏa thuận với khách hàng loại bê tông, giá cả, số lượng, địa điểm đổ bê tông để bán hàng và có trách nhiệm thu tiền của khách hàng rồi nộp về công ty theo quy định. Tuy nhiên, T đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình, sau khi thu tiền của các khách hàng gồm Công ty Cổ phần C, Công ty TNHH B, anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Đức H và anh Phạm Văn H1 đã không nộp tiền về công ty mà chiếm đoạt số tiền 331.752.500 đồng của Công ty A để sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân. Khi kế toán Công ty A hỏi thì T nói dối là chưa thu được tiền của khách hàng. Do đó, HĐXX thấy rằng có đủ căn cứ xét xử bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự như cáo trạng đã truy tố là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là rất nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, gây thất thoát số tiền lớn của doanh nghiệp, làm ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Do vậy, cần phải xét xử nghiêm bằng pháp luật hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả cho Công ty A; Công ty A không có yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo T đã bồi thường cho Công ty A số tiền 331.752.500 đồng. Công ty A xác nhận về việc đã nhận bồi thường và không có yêu cầu gì thêm, vì vậy không đề cập giải quyết.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh số Imei1: 867715044897317; Imei2: 867715044897325, bị cáo

mới mua sau này, CQĐT kiểm tra không có thông tin gì liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “Tham ô tài sản”.

2. Áp dụng điểm c, d khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc T 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/10/2021. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến quản lý tài chính thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Quốc T 45 ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm việc thi hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh số Imei1: 867715044897317; Imei2: 867715044897325 (*Vật chứng có đặc điểm theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 51/2022 ngày 21/02/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh*).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao; VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT (PC 03); PV 27; PC 10 CA tỉnh Bắc Ninh;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nghiêm Thị Lượng**



